

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2022/DS-ST**

Ngày: 13-7-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Huỳnh Thị Lệ**

Ông Nguyễn Phạm Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Võ Phước Khánh Toàn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Số 28C-28D đường B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Bùi Thị Thanh H** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Hồ V** – sinh năm 1990 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ban xử lý nợ miền Trung; Địa chỉ: Số 516 đường N, phường K, quận C, TP Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 96/2021/UQ-CTHĐQT ngày 01.10.2021 của bà **Bùi Thị Thanh Hg** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Q và Giấy ủy quyền số 76/2022/UQ-NCB ngày 22.3.2022 của ông **Nguyễn Đình T1** – Chức vụ: Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q). Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Đoàn Ngọc H** – sinh năm 1984 bà **Nguyễn Thị Bích T** – sinh năm 1984; Địa chỉ: K75/12 đường Đ, phường B, quận L, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q – đại diện theo ủy quyền là ông Dương Hồ V trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (NCB – Chi nhánh Đà Nẵng) và ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T có ký kết các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/023/21/HĐCV-9357 ngày 08.02.2021; số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); mục đích vay là vay hoàn tiền mua bất động sản; thời hạn vay là 300 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên (09/02/2021 đến ngày 09/02/2046); Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay đến ngày 08/02/2022 là: 11 %/năm; lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.9%/năm; Lãi quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/024/21/HĐHM-9357 ngày 08.02.2021; số tiền vay: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng); Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên (09/02/2021 đến ngày 09/11/2021); Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay đến ngày 08/05/2022 là: 11 %/năm; lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.5%/năm; Lãi quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T đã ký với Ngân hàng TMCP Q Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 022/21/HĐTC-9357 ngày 05/02/2021; số công chứng: 773, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và thế chấp các tài sản là: Quyền sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 147, diện tích: 184,4 m², địa chỉ thửa đất: 80 Đường Đ, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ theo Giấy chứng quyền sử dụng đất số AP 788222, số vào sổ cấp H 10027 do UBND quận Liên Chiểu cấp ngày 16/07/2009 đứng tên ông Nguyễn K bà Nguyễn Thị Thanh V, đăng ký biến động cho ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T ngày 04/02/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ đã ký. Tính đến thời điểm hiện nay, ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền cho 02 hợp đồng là: 194.671.029 đồng, trong đó: Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 trả 135.725.368 đồng (gồm 40.000.200 đồng tiền gốc và 95.725.168 đồng tiền lãi); Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 là 58.945.661 đồng (tiền lãi). Ngân hàng đã làm việc và gửi thông báo yêu cầu Ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T nhưng ông bà vẫn không trả nợ. Đến nay Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 đã hết hạn hợp đồng; Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 bị vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/6/2021. Do đó, căn cứ điểm 1 khoản 1 Điều 11 Hợp

đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 về việc thu hồi trước hạn các khoản phải trả, Ngân hàng quyết định khởi kiện Ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T để thu hồi toàn bộ khoản nợ của 02 Hợp đồng vay.

Dư nợ của Ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T tính đến ngày 13/7/2022 là 5.517.220.708 đồng (Năm tỷ năm trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi ngàn bảy trăm lẻ tám đồng); trong đó: nợ gốc là 4.759.999.800 đồng, nợ lãi trong hạn (tính trên số tiền nợ gốc) là 487.352.284 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn, tính trên số tiền nợ gốc quá hạn) là 241.400.015 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả (10%/năm) là 28.468.609 đồng. Cụ thể như sau:

Hợp đồng 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021, nợ gốc là 2.959.999.800 đồng, nợ lãi trong hạn (tính trên số tiền nợ gốc) là 384.520.329 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn, tính trên số tiền nợ gốc quá hạn) là 13.009.604 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả (10%/năm) là 19.572.029 đồng. Tổng là 3.377.101.762 đồng.

Hợp đồng 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021, nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn (tính trên số tiền nợ gốc) là 102.831.955 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn, tính trên số tiền nợ gốc quá hạn) là 228.390.411 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả (10%/năm) là 8.896.580 đồng. Tổng là 2.140.118.946 đồng.

Đối với việc ông H, bà T đề nghị miễn giảm lãi suất thì Ngân hàng cũng đã thực hiện để tạo điều kiện cho ông bà trả nợ nhưng không thể giảm theo mức lãi suất ông bà mong muốn. Do không thống nhất được việc trả nợ nên Ngân hàng căn cứ vào điểm 1 khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 về thu hồi nợ trước hạn và Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 13/7/2022 là: 5.517.220.708 đồng (Năm tỷ năm trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi ngàn bảy trăm lẻ tám đồng); trong đó: nợ gốc là 4.759.999.800 đồng, nợ lãi trong hạn (tính trên số tiền nợ gốc) là 487.352.284 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn, tính trên số tiền nợ gốc quá hạn) là 241.400.015 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả (10%/năm) là 28.468.609 đồng.

Buộc Ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q kể từ ngày 14/7/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T không thực hiện trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền

nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

*** Bị đơn – bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:**

Vợ chồng tôi có ký kết 02 hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Đà Nẵng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021, Số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản. Thời hạn vay 300 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay đến ngày 08/02/2022 là: 11 %/năm; lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.9%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

2. Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021; Số tiền vay 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên; Lãi suất trong hạn: Lãi suất vay đến ngày 08/05/2022 là: 11 %/năm; lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.5%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Vợ chồng chúng tôi đã nhận đủ số tiền vay là 4.800.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng). Để đảm bảo cho 02 hợp đồng vay thì vợ chồng tôi có thể chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 147, diện tích: 184,4 m², địa chỉ thửa đất: Số 80 đường Đ, phường B, quận L, TP Đà Nẵng và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ theo Giấy chứng quyền sử dụng đất số AP 788222, sổ vào sổ cấp H 10027 do UBND quận Liên Chiểu cấp ngày 16/07/2009 đứng tên ông Nguyễn K bà Nguyễn Thị Thanh V, đăng ký biến động cho ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T ngày 04/02/2021. Khi nhận chuyển nhượng từ ông Khá, bà Vân thì nhà ở đã có hiện trạng như hiện nay, sau khi thế chấp tài sản cho Ngân hàng thì vợ chồng chúng tôi không xây dựng gì thêm mà chỉ đập bỏ gác lửng để thuận tiện cho quá trình sử dụng.

Tính tới thời điểm hiện nay, vợ chồng tôi đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là: 194.671.029 đồng. Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 kéo dài, kinh tế gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng tôi đã vi phạm thời hạn trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án tôi phải trả số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ thì tôi đề nghị cho tôi trả dần số tiền còn nợ và xem xét miễn giảm lãi suất cho vợ chồng tôi vì hiện nay vợ chồng tôi chỉ có khả năng thanh toán là 5.100.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm triệu đồng).

** Bị đơn là ông Đoàn Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tính đến ngày 13/7/2022 là 5.517.220.708 đồng (Năm tỷ năm trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi ngàn bảy trăm lẻ tám đồng); trong đó: nợ gốc là 4.759.999.800 đồng, nợ lãi trong hạn (tính trên số tiền nợ gốc) là 487.352.284 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn, tính trên số tiền nợ gốc quá hạn) là 241.400.015 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả (10%/năm) là 28.468.609 đồng. Đồng thời ông H, bà T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi kể từ ngày 14/7/2022 theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H không trả nợ như đã thỏa thuận nêu trên thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 147 và tài sản gắn liền với đất tại số 80 đường Đ, phường B, quận L, TP Đà Nẵng được xử lý để đảm bảo thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Q cho rằng có cho bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H vay số tiền 4.800.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng) và cung cấp tài liệu, chứng cứ là 02 hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo, cụ thể: Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 và Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/023/21/HĐCV-9357 ngày 08.02.2021; Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 và Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/024/21/HĐHM-9357 ngày 08.02.2021. Tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thỏa thuận cụ thể về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay và thời hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ trước hạn đối với Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 và toàn bộ khoản nợ đến hạn của Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H phải thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ tính đến ngày 13/7/2022 và có nghĩa vụ trả nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H là hợp đồng hợp pháp về cả nội dung, hình thức nên có hiệu lực pháp luật. Theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ hằng tháng. Tuy nhiên, từ ngày 25/6/2021 bà T, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021; riêng đối với Hợp đồng cho vay 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 đã hén hạn vào ngày 09.9.2021. Do đó, Ngân hàng TMCP Q căn cứ điểm 1 khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 về việc thu hồi nợ trước hạn và Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 để khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hòa giải trong các thông báo hòa giải. Tại bản tự khai ngày 20.01.2022, ngày 12.7.2022 và Biên bản hòa giải ngày 20.01.2022 bà Nguyễn Thị Bích T thừa nhận việc ký kết 02 hợp đồng cho vay như Ngân hàng xuất trình và đã nhận đủ số tiền gốc

4.800.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng), xác nhận số tiền đã trả cho Ngân hàng là 194.671.029 đồng (Trong đó: Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 trả 135.725.368 đồng (gồm 40.000.200 đồng tiền gốc và 95.725.168 đồng tiền lãi); Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 là 58.945.661 đồng (tiền lãi)) nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên không thực hiện việc trả nợ theo đúng hợp đồng đã ký kết. Ông Đoàn Ngọc H không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP Q, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc tính đến ngày 13/7/2022 là 4.759.999.800 đồng (trong đó: Số tiền gốc của Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 là 2.959.999.800 đồng; số tiền gốc của Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 là 1.800.000.000 đồng). Đối với số tiền lãi, tại các hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11 %/năm tính trên nợ gốc, lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn tính trên nợ gốc; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả với lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam Quy định về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên HĐXX chấp nhận. Như vậy, bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 757.220.908 đồng, trong đó:

- Hợp đồng 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021, nợ lãi trong hạn (tính trên số tiền nợ gốc) là 384.520.329 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn, tính trên số tiền nợ gốc quá hạn) là 13.009.604 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả (10%/năm) là 19.572.029 đồng. Tổng là 417.101.962 đồng.

- Hợp đồng 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021, nợ lãi trong hạn (tính trên số tiền nợ gốc) là 102.831.955 đồng; nợ lãi quá hạn (lãi suất bằng 150% lãi trong hạn, tính trên số tiền nợ gốc quá hạn) là 228.390.411 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả (10%/năm) là 8.896.580 đồng. Tổng là 340.118.946 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm 13/7/2022 bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán theo 02 hợp đồng cho vay là 5.517.220.708 đồng trong đó: 4.759.999.800 đồng tiền gốc và 757.220.908 đồng tiền lãi. Ngoài ra, ông H, bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/7/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02.3.2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thể hiện: Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất số 022/21/HĐTC-9357 ngày ngày 05/02/2021 là quyền sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 147, diện tích: 184,4 m², địa chỉ thửa đất: 80 Đường Đ, phường B, quận L, TP Đà Nẵng và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ không thay đổi so với thời điểm thế chấp. Đối với công trình phụ có diện tích xây dựng 8,91 m² chưa được ghi nhận vào Giấy chứng quyền sử dụng đất số AP 788222 do UBND quận Liên Chiểu cấp ngày 16/07/2009 nhưng các bên đã thỏa thuận thuộc tài sản thế chấp theo Thỏa thuận ngày 05/02/2021. Trong quá trình sử dụng ông H, bà T có đập bỏ phần gác lửng. Hiện nay ông H và bà T là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất. Do đó, trong trường hợp bà T, ông H không trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu tòa án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ là phù hợp Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318 Bộ luật Dân sự 2015.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm 112.000.000 đồng + 0,1% x 1.517.220.708 đồng = 112.000.000 + 1.517.220 đồng = 113.517.200 đồng bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H phải chịu.

Chi phí tố tụng: Chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Q đã tạm ứng và đã chi xong nên ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T.

Buộc ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi tính đến ngày 13/7/2022 là 5.517.220.708 đồng (Năm tỷ năm trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi ngàn bảy trăm lẻ tám đồng); trong đó: nợ gốc là 4.759.999.800 đồng, nợ lãi trong hạn là 487.352.284 đồng; nợ lãi quá hạn là 241.400.015 đồng; lãi trên số dư lãi trong hạn chậm trả là 28.468.609 đồng.

Ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 023/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/023/21/HĐCV-9357 ngày 08.02.2021; Hợp đồng hạn mức cho vay số 024/21/HĐCV-9357 ngày 05/02/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/024/21/HĐHM-9357 ngày 08.02.2021 kể từ ngày 14/7/2022 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 788222 do UBND quận Liên Chiểu cấp ngày 16/07/2009 cho ông Nguyễn Khá, bà Nguyễn Thị Thanh Vân, đăng ký biến động cho ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T ngày 04/02/2021.

Trong trường hợp ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 147 và tài sản gắn liền với đất tại số 80 Đường Đ, phường B, quận L, TP Đà Nẵng (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 788222 do UBND quận Liên Chiểu cấp ngày 16/07/2009 cho ông Nguyễn K, bà Nguyễn Thị Thanh V, đăng ký biến động cho ông Đoàn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích T ngày 04/02/2021) của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 022/21/HĐTC-9357 ngày 05/02/2021 theo quy định của pháp luật.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.517.200 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm mười bảy ngàn hai trăm đồng).

2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.511.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm mười một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000156 ngày 07.12.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

III. Chi phí tố tụng: Chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Q đã tạm ứng và đã chi xong nên ông Đoàn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

IV. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh